

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN 397

DN: c=VN, l=QUẢNG NINH,
cn=CÔNG TY CỔ PHẦN 397,
0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:57
01435907

Date: 2025.03.25 08:22:06 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần 397 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Đình Kỳ	Chủ tịch
Ông Kiều Văn Sính	Thành viên
Ông Phạm Xuân Huyền	Thành viên
Ông Văn Trung Tuyển	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Bùi Quang Hưng	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Quách Tùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 22/04/2024)
Ông Nguyễn Đình Luân	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 22/04/2024)
Ông Trần Tiến Trung	Thành viên	
Ông Mai Xuân Trường	Thành viên	

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Kiều Văn Sính	Giám đốc	
Ông Đỗ Quang Thái	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 13/03/2024)
Ông Phạm Hồng Sơn	Phó Giám đốc	(Chuyển ngày 20/02/2024)
Ông Trần Văn Kiên	Phó Giám đốc	(Điều động ngày 20/02/2024)
Ông Phạm Xuân Huyền	Phó Giám đốc	
Ông Phan Đức Trung	Phó Giám đốc	

Kế toán trưởng của Công ty là Ông Nguyễn Đình Thuận.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, ban hành bởi Bộ Tài chính. Đồng thời, Công ty tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Kiều Văn Sinh

Giám đốc

Quảng Ninh, Ngày 21 tháng 03 năm 2025



Số: 281 /2025/UHYHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần 397**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 397 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 21 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 31 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 397 tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

**CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**



ĐẶNG MINH ĐỨC – Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4885-2025-112-1

LAI TRƯỜNG DƯƠNG - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3392-2021-112-1

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.247.505.582	41.366.242.124
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	327.266.766	2.957.189.189
Tiền	111		327.266.766	2.957.189.189
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.657.375.904	15.445.424.618
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		252.573.048	27.481.740
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		932.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5	14.472.802.856	15.417.942.878
Hàng tồn kho	140		7.996.247.043	5.010.835.716
Hàng tồn kho	141	6	7.996.247.043	5.010.835.716
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.266.615.869	17.952.792.601
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	11.266.615.869	5.553.074.912
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	12.399.717.689
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		249.691.285.745	329.990.885.701
Các khoản phải thu dài hạn	210		41.730.374.443	36.098.555.349
Phải thu dài hạn khác	216	5	41.730.374.443	36.098.555.349
Tài sản cố định	220		62.086.321.465	81.982.469.568
Tài sản cố định hữu hình	221	10	62.086.321.465	81.976.302.918
- Nguyên giá	222		233.734.229.325	229.915.404.218
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(171.647.907.860)	(147.939.101.300)
Tài sản cố định vô hình	227	8	-	6.166.650
- Nguyên giá	228		347.323.529	347.323.529
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(347.323.529)	(341.156.879)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.428.260.990	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	3.428.260.990	-
Tài sản dài hạn khác	260		142.446.328.847	211.909.860.784
Chi phí trả trước dài hạn	261	7	141.599.322.847	211.909.860.784
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		847.006.000	-
TỔNG TÀI SẢN	270		284.938.791.327	371.357.127.825

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		206.738.969.686	291.442.596.208
Nợ ngắn hạn	310		167.808.719.669	258.822.157.414
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	72.357.128.932	95.209.118.793
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	10.198.763.636	7.400.695.805
Phải trả người lao động	314		14.373.785.147	20.278.920.679
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	337.472.122	205.654.550
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		120.000.000	120.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	69.213.019.038	133.802.517.417
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.208.550.794	1.805.250.170
Nợ dài hạn	330		38.930.250.017	32.620.438.794
Dự phòng phải trả dài hạn	342	15	38.930.250.017	32.620.438.794
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		78.199.821.641	79.914.531.617
Vốn chủ sở hữu	410	16	77.026.753.395	77.799.842.495
Vốn góp của chủ sở hữu	411		57.000.000.000	57.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		57.000.000.000	57.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.026.753.395	20.799.842.495
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		20.026.753.395	20.799.842.495
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.173.068.246	2.114.689.122
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		1.173.068.246	2.114.689.122
TỔNG NGUỒN VỐN	440		284.938.791.327	371.357.127.825

Quảng Ninh, Ngày 21 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Đoàn Trung Kiên

Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thuận

Giám đốc



Kiều Văn Sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN 397Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	1.070.572.594.480	1.509.162.129.968
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.070.572.594.480	1.509.162.129.968
Giá vốn hàng bán	11	18	959.306.222.579	1.376.584.533.250
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		111.266.371.901	132.577.596.718
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.374.103.949	1.170.786.770
Chi phí tài chính	22	20	4.872.807.350	13.707.734.935
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.872.807.350	13.707.734.935
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	81.636.785.206	93.438.766.272
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.130.883.294	26.601.882.281
Thu nhập khác	31	22	432.863.342	985.210.263
Chi phí khác	32	23	263.030.919	573.143.946
Lợi nhuận khác	40		169.832.423	412.066.317
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.300.715.717	27.013.948.598
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	6.273.962.322	6.214.106.103
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.026.753.395	20.799.842.495
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	2.811	2.919
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	26	2.811	2.919

Quảng Ninh, Ngày 21 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Đoàn Trung Kiên

Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Thuận



Giám đốc

Kiều Văn Sinh

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		26.300.715.717	27.013.948.598
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		23.146.648.294	34.685.799.109
Các khoản dự phòng (Lãi) hoạt động đầu tư	03		6.309.811.223	5.659.756.108
Chi phí lãi vay	05		(1.374.103.949)	(1.170.786.770)
	06		4.872.807.350	13.707.734.935
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		59.255.878.635	79.896.451.980
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.708.941.309	(14.572.657.099)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.985.411.327)	(2.727.711.469)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(93.759.446.834)	(62.008.444.112)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		64.596.996.980	59.109.770.274
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.872.807.350)	(13.707.734.935)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.915.331.043)	(9.686.116.672)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		275.400.000	314.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.033.641.871)	(4.953.881.142)
	20		21.270.578.499	31.663.676.825
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.247.086.097)	(11.568.627.028)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.878.534	15.764.335
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.236.207.563)	(11.552.862.693)

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.664.293.359)	(18.817.705.609)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.664.293.359)	(18.817.705.609)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.629.922.423)	1.293.108.523
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	2.957.189.189	1.664.080.666
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	327.266.766	2.957.189.189

Quảng Ninh, Ngày 21 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Đoàn Trung Kiên

Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thuận



Giám đốc

Kiều Văn Sinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần 397 tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên 397 được thành lập theo Quyết định số 3138/QĐ-BQP ngày 24 tháng 08 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc chuyển xí nghiệp khai thác than 397 thuộc Tổng công ty Đông Bắc thành Công ty TNHH Một thành viên 397. Công ty Cổ phần 397 (gọi tắt là "Công ty") được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 5701435907 ngày 25/10/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp, thay đổi lần thứ 6 ngày 18/07/2023, thay đổi lần thứ 7 ngày 06/11/2024.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty ngày 31/12/2024 là 57.000.000.000 đồng chia thành 5.700.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, Tổng công ty Đông Bắc góp 29.070.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 51%, các cổ đông khác góp 27.930.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 49%.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 403 người (tại ngày 31/12/2023 là 406 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Khai thác và thu gom than.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty là Khai thác và thu gom than.

Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than bùn; Khai thác và thu gom than non; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Vận tải hàng hóa đường bộ; Vận tải đường ống; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; Sửa chữa thiết bị khác.

1.4 CHU KỶ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu dùng để so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước, giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá xuất của hàng hóa miễn thuế được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 37
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí giải phóng mặt bằng khu đất Văn phòng Yên Thọ, chi phí trả trước khu Văn phòng Yên Thọ chi phí dự án Nam Trảng Bạch, chi phí trả trước thuê xe và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 đến 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 đến 24 tháng.

Chi phí giải phóng mặt bằng khu đất Văn phòng Yên Thọ được phân bổ theo thời gian thuê đất là 50 năm.

Chi phí trả trước khu nhà Văn phòng Yên Thọ được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê trong 10 năm.

Chi phí Dự án Nam Trảng Bạch được phân bổ vào chi phí theo sản lượng của dự án.

Chi phí thuê xe được phân bổ theo thời gian thuê trong 60 tháng.

3.9 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

3.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của kỳ này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu/các cổ đông/các thành viên sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa (than cứng, than bùn, ...)

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

3.13 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

3.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)*

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các Công ty thuộc Tổng Công ty và các công ty con cùng Tổng Công ty.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	82.983.201	168.754.049
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	244.283.565	2.788.435.140
Cộng	327.266.766	2.957.189.189

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***5. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	14.472.802.856	-	15.417.942.878	-
- Phải thu về lãi tiền ký quỹ phục hồi môi trường	5.010.982.091	-	3.647.756.676	-
- Tạm thu tiền đền bù GPMB đối trừ tiền thuế đất Dự án Nam Tráng Bạch	8.551.261.680	-	11.033.725.996	-
- Phải thu khác	910.559.085	-	736.460.206	-
Dài hạn	41.730.374.443	-	36.098.555.349	-
- Ký cược, ký quỹ	41.730.374.443	-	36.098.555.349	-
Cộng	56.203.177.299	-	51.516.498.227	-

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.308.472.088	-	4.563.737.413	-
Thành phẩm	687.774.955	-	447.098.303	-
Cộng	7.996.247.043	-	5.010.835.716	-

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	11.266.615.869	5.553.074.912
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.165.623.375	5.468.801.788
- Chi phí mua bảo hiểm	100.992.494	84.273.124
Dài hạn	141.599.322.847	211.909.860.784
- Chi phí trả trước thuê máy xúc Volvo L150h	467.133.332	682.733.333
- Chi phí thuê nhà điều hành công trường	130.507.976	1.696.603.736
- Chi phí trả trước khu nhà Văn phòng Yên Thọ	4.645.981.752	5.807.477.184
- Chi phí giải phóng mặt bằng khu đất Văn phòng Yên Thọ	10.025.039.467	13.838.843.771
- Chi phí dự án Nam Tràng Bạch	100.925.624.855	156.474.830.632
- Chi phí trả trước thuê 5 xe theo HĐ số 03/2021/ĐB-AV-TTB	7.602.119.056	11.036.119.061
- Chi phí trả trước thuê máy gạt	199.067.515	796.270.053
- Chi phí trả trước thuê máy xúc	1.963.000.006	2.573.102.164
- Chi phí trả trước thuê 5 xe CAT	2.469.090.912	4.938.181.824
- Chi phí trả trước thuê máy xúc (máy T1-2020)	1.157.666.667	2.121.190.482
- Chi phí trả trước thuê xe (5 xe Komatsu và 1 máy xúc)	4.464.926.385	7.851.861.482
- Các khoản khác	7.549.164.924	4.092.647.062
Cộng	152.865.938.716	217.462.935.696

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	347.323.529	347.323.529
31/12/2024	347.323.529	347.323.529
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2024	(341.156.879)	(341.156.879)
- Khấu hao trong năm	(6.166.650)	(6.166.650)
31/12/2024	(347.323.529)	(347.323.529)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	6.166.650	6.166.650
31/12/2024	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là:
347.323.529 VND (Tại ngày 01/01/2024 là 254.823.530 VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Mua sắm	2.840.736.916	-
+ Lập báo cáo KTKT dự án đầu tư	226.851.852	-
+ Mua sắm xe ô tô bán tải Ford Ranger	761.326.545	-
+ Mua sắm xe ca chõ công nhân (34 chõ ngồi)	1.852.558.519	-
- Nạo vét, nâng cấp, xây dựng tuyến kênh xả sau tràn xả lũ hồ Khe Uơn I	587.524.074	-
Cộng	3.428.260.990	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	39.098.884.457	91.998.842.371	98.434.039.845	383.637.545	229.915.404.218
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	123.882.190	687.927.592	4.089.503.705	-	4.901.313.487
- Mua trong năm	-	-	-	155.500.000	155.500.000
- Giảm khác (*)	(1.237.988.380)	-	-	-	(1.237.988.380)
31/12/2024	37.984.778.267	92.686.769.963	102.523.543.550	539.137.545	233.734.229.325
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(18.810.316.078)	(44.763.562.732)	(84.035.112.218)	(330.110.272)	(147.939.101.300)
- Khấu hao trong năm	(5.295.903.371)	(13.275.798.556)	(5.473.099.878)	(37.300.715)	(24.082.102.520)
- Giảm khác (*)	373.295.960	-	-	-	373.295.960
31/12/2024	(23.732.923.489)	(58.039.361.288)	(89.508.212.096)	(367.410.987)	(171.647.907.860)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	20.288.568.379	47.235.279.639	14.398.927.627	53.527.273	81.976.302.918
31/12/2024	14.251.854.778	34.647.408.675	13.015.331.454	171.726.558	62.086.321.465

(*) Ghi giảm chi phí tư vấn, chi phí khác của khu đất 15.677,3m² Yên Thọ theo quyết định 2920/QĐ-ĐB ngày 15/04/2024 với giá trị là 698.153.492 đồng; Giảm giá trị nguyên giá TSCĐ bị thiệt hại sau bão số 3 Yagi với tổng giá trị là 539.834.888 đồng.
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là: 66.441.869.763 VND (Tại ngày 01/01/2024 là 64.385.905788 VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	72.357.128.932	72.357.128.932	95.209.118.793	95.209.118.793
- Tổng Công ty Kinh tế KTCN Quốc phòng	17.169.034.605	17.169.034.605	25.980.195.284	25.980.195.284
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Vcapital	3.144.475.520	3.144.475.520	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ vận tải Trung Nghĩa	16.976.186.734	16.976.186.734	33.073.125.110	33.073.125.110
- Chi nhánh Công ty TNHH Thiết bị nặng Marubeni tại Quảng Ninh	1.848.399.820	1.848.399.820	203.764.060	203.764.060
- Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng công nghiệp Việt Ý	3.090.677.256	3.090.677.256	545.205.864	545.205.864
- Công ty TNHH Thiết bị mô An Nguyên	1.950.298.736	1.950.298.736	3.046.157.226	3.046.157.226
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Khai Đăng	1.219.760.456	1.219.760.456	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Tín Thành	-	-	7.852.514.965	7.852.514.965
- Công ty khác	26.958.295.805	26.958.295.805	24.508.156.284	24.508.156.284
Cộng	72.357.128.932	72.357.128.932	95.209.118.793	95.209.118.793

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	22.022.656.762	21.640.474.278	382.182.484
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.915.331.043	6.273.962.322	1.915.331.043	6.273.962.322
- Thuế thu nhập cá nhân	14.729.495	1.964.779.898	1.976.800.085	2.709.308
- Thuế tài nguyên	4.133.507.019	179.415.198.289	180.459.723.305	3.088.982.003
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	670.746.090	6.792.952.455	7.429.603.444	34.095.101
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	666.382.158	16.621.119.776	16.870.669.516	416.832.418
Cộng	7.400.695.805	233.093.669.502	230.295.601.671	10.198.763.636

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	337.472.122	205.654.550
- Chi phí Kiểm toán BCTC	41.666.667	38.500.000
- Chi phí tiền điện	-	161.901.741
- Chi phí động lực	257.366.319	-
- Trích trước Chi phí phải trả nước thải CN	38.439.136	5.252.809
Cộng	337.472.122	205.654.550

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	69.213.019.038	133.802.517.417
- Kinh phí công đoàn	975.033.185	735.053.412
- Tiền thuê đất	2.368.639.689	2.368.639.689
- Tổng công ty Đông Bắc	44.239.743.154	117.685.344.195
- Cổ tức phải trả các cổ đông	61.135.746	87.129.105
- Phí cấp quyền KTKS TN333	13.908.940.308	6.325.338.037
- Phải trả các khoản thưởng CV, CNV	2.827.700.000	2.144.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.831.826.956	4.457.012.979
Cộng	69.213.019.038	133.802.517.417

Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 29.1

15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dài hạn	38.930.250.017	32.620.438.794
- Chi phí hoàn nguyên môi trường dự án Nam Trảng Bạch	38.930.250.017	32.620.438.794
Cộng	38.930.250.017	32.620.438.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	50.000.000.000	6.905.979.679	23.594.132.184	80.500.111.863	7.000.000.000	20.799.842.495	20.799.842.495	77.799.842.495
- Tăng vốn trong năm trước	7.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	20.799.842.495	-	-	20.799.842.495
- Phân phối lợi nhuận	-	(6.905.979.679)	(6.905.979.679)	(30.500.111.863)	(23.594.132.184)	(4.718.826.437)	(4.718.826.437)	(30.500.111.863)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.718.826.437)	(4.718.826.437)	(94.020.321)	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
+ Tăng vốn điều lệ	-	(6.905.979.679)	(6.905.979.679)	(18.781.285.426)	(18.781.285.426)	-	-	(18.781.285.426)
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
31/12/2023	57.000.000.000	-	20.799.842.495	77.799.842.495	20.799.842.495	20.799.842.495	20.799.842.495	77.799.842.495
01/01/2024	57.000.000.000	-	20.799.842.495	77.799.842.495	20.799.842.495	20.026.753.395	20.026.753.395	77.799.842.495
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	20.026.753.395	-	-	20.026.753.395
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	(20.799.842.495)	(4.161.542.495)	(4.161.542.495)	(20.799.842.495)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(16.638.300.000)	-	-	(16.638.300.000)
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
31/12/2024	57.000.000.000	-	20.026.753.395	77.026.753.395	20.026.753.395	20.026.753.395	20.026.753.395	77.026.753.395

(*) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2024 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

16.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tổng công ty Đông Bắc	29.070.000.000	29.070.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng Quang Thành	11.400.000.000	11.400.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thố Huân	6.533.340.000	6.533.340.000
- Các cổ đông khác	9.996.660.000	9.996.660.000
Cộng	57.000.000.000	57.000.000.000

16.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.700.000	5.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.700.000	5.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.700.000	5.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.700.000	5.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.700.000	5.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu	1.070.572.594.480	1.509.162.129.968
- Doanh thu bán than	1.056.897.122.014	1.498.426.679.232
- Doanh thu sản phẩm ngoài than	-	2.915.930.340
- Doanh thu bán đất đá thải mỏ, phế liệu	10.918.855.903	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.756.616.563	7.819.520.396
Cộng	1.070.572.594.480	1.509.162.129.968

Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 29.1

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Giá vốn bán than	946.985.639.296	1.366.776.894.143
- Giá vốn sản phẩm ngoài than	-	2.480.464.156
- Giá vốn bán đất đá thải mỏ, phế liệu	9.563.966.720	-
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.756.616.563	7.327.174.951
Cộng	959.306.222.579	1.376.584.533.250

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.374.103.949	1.170.786.770
Cộng	1.374.103.949	1.170.786.770

20. CHI PHÍ LÃI VAY

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	4.872.807.350	13.707.734.935
Cộng	4.872.807.350	13.707.734.935

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	27.283.044.675	26.561.888.987
- Chi phí vật liệu quản lý	823.498.886	823.356.920
- Chi phí đồ dùng văn phòng	2.735.965.694	1.878.109.919
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	3.091.603.838	3.741.619.550
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.744.544.611	12.844.268.918
- Chi phí bằng tiền khác	36.958.127.502	47.589.521.978
Cộng	81.636.785.206	93.438.766.272

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thu tiền giảm 30% tiền thuê đất theo QĐ 25/2023/QĐ-TTg	415.615.062	-
- Bán vật tư phế liệu	-	239.505.200
- Kinh phí 2% không thực hiện công tác GPMB dự án 9a, 9b theo QĐ 782/QĐ-UBND ngày 02/08/2021	-	552.566.000
- Các khoản khác	17.248.280	193.139.063
Cộng	432.863.342	985.210.263

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi nộp phạt	76.391.991	573.143.946
- Giá trị tài sản bị thiệt hại sau bão số 3 (Bão Yagi)	186.638.928	-
Cộng	263.030.919	573.143.946

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.300.715.717	27.013.948.598
Các khoản chi phí không được khấu trừ	5.069.095.894	3.737.706.616
- Chênh lệch khấu hao	4.571.015.743	3.092.562.670
- Tiền thuế bổ sung, chậm nộp sau Kiểm tra thuế 2023 (QĐ 6465/QĐ-CTQNI ngày 26/6/2023 của Cục Thuế tỉnh QN)	-	436.279.881
- Tiền chậm nộp thuế TNCN từ T1-T5/2023	76.391.991	-
- Tiền thuế Tài nguyên nước năm 2022-2023	318.188.160	136.864.065
- Tiền lương và phụ cấp HĐQT không tham gia trực tiếp điều hành sản xuất	103.500.000	72.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	31.369.811.611	30.751.655.214
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	6.273.962.322	6.150.331.043
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	63.775.060
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.273.962.322	6.214.106.103

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	20.026.753.395	20.799.842.495
Các khoản điều chỉnh:	4.005.350.679	4.159.968.499
- Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	4.005.350.679	4.159.968.499
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.700.000	5.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.811	2.919

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2023 theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2024. Năm 2024, Công ty đang tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ 20% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 22/04/2024.

26. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	229.682.375.563	254.650.451.080
- Chi phí nhân công	96.736.418.065	95.016.109.460
- Khấu hao tài sản cố định	23.146.648.294	34.685.799.109
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	363.990.101.338	743.744.729.751
- Chi phí bằng tiền khác	327.628.141.177	342.373.308.425
	1.041.183.684.437	1.470.470.397.825

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***28. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong năm, Công ty kinh doanh chủ yếu là than (chiếm trên 98% tổng doanh thu) và địa bàn hoạt động ở khu vực tỉnh Quảng Ninh. Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo Bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và nhận thấy thông tin bộ phận là không trọng yếu cho người sử dụng Báo cáo tài chính.

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**29.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tổng công ty Đông Bắc	Công ty Mẹ
- Công ty Xây dựng Công nghiệp Mỏ - Chi nhánh Tổng công ty Đông Bắc	Đơn vị phụ thuộc Công ty Mẹ
- Trung tâm Giám định – Chi nhánh Tổng công ty Đông Bắc	Đơn vị phụ thuộc Công ty Mẹ
- Công ty Cảng – Chi nhánh Tổng công ty Đông Bắc	Đơn vị phụ thuộc Công ty Mẹ

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
- Tổng công ty Đông Bắc	1.070.001.220.280	1.507.444.785.410
Mua hàng hóa và thuê dịch vụ		
- Công ty Cảng - Chi nhánh Tổng công ty Đông Bắc	-	460.474.635
- Công ty Xây dựng Công nghiệp Mỏ - Chi nhánh Tổng công ty Đông Bắc	148.993.112.800	181.444.490.126
- Trung Tâm Giám định – Chi nhánh Tổng công ty Đông Bắc	2.241.658.327	2.541.468.589
- Tổng công ty Đông Bắc	140.842.486.383	136.207.433.010

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2024	01/01/2024
Phải trả khác ngắn hạn		
- Tổng công ty Đông Bắc	44.239.743.154	117.685.344.195

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

29.2 THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị	742.581.757	643.530.044
Ông Kiều Văn Sính Thành viên	40.500.000	30.000.000
Ông Đỗ Đình Kỳ Chủ tịch	580.581.757	533.530.044
Ông Phạm Xuân Huyền Thành viên	40.500.000	20.000.000
Ông Văn Trung Tuyển Thành viên	40.500.000	30.000.000
Bà Trần Thị Thu Hương Thành viên	40.500.000	30.000.000
Thu nhập của các thành viên Ban Kiểm soát	434.844.442	597.282.898
Ông Bùi Quang Hưng Trưởng ban	362.844.442	305.458.445
Ông Nguyễn Quách Tùng Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/4/2024)	5.000.000	261.824.453
Ông Trần Tiến Trung Thành viên	28.500.000	18.000.000
Ông Mai Xuân Trường Thành viên	22.500.000	12.000.000
Ông Nguyễn Đình Luân Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 22/04/2024)	16.000.000	-
Thu nhập của Ban Giám đốc	2.393.646.383	2.419.860.844
Ông Kiều Văn Sính Giám đốc	616.099.318	629.839.401
Ông Đỗ Quang Thái Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/03/2024)	151.664.589	464.967.219
Ông Phạm Hồng Sơn Phó Giám đốc (Chuyển ngày 20/02/2024)	158.737.660	434.225.138
Ông Phạm Xuân Huyền Phó Giám đốc	514.667.542	428.234.779
Ông Trần Văn Kiên Phó Giám đốc (Điều động ngày 20/02/2024)	504.886.249	-
Ông Phan Đức Trung Phó Giám đốc	447.591.025	462.594.307
Cộng	3.571.072.582	3.660.673.786

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội – Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Quảng Ninh, Ngày 21 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Đoàn Trung Kiên

Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thuận

Giám đốc



Kiều Văn Sính